TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2019/DS-PT
Ngày: 13/9/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 313/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim Đ, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 1, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hoàng M, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 284/TLA, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

3. Người kháng cáo: Ông Huỳnh Hoàng M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Lê Kim Đ trình bày*:

Vào tháng 7 âm lịch năm 2017, chị Lê Kim Đ có cho anh Huỳnh Hoàng M vay 120.000.000 đồng, cho vay tổng cộng 05 lần: Lần thứ nhất 50.000.000 đồng,

lần 2, lần 3, lần 4 mỗi lần 20.000.000 đồng, lần thứ 5 là 10.000.000 đồng. Vay không có thời hạn, không có thỏa thuận lãi suất, mục đích vay là sản xuất kinh doanh, khi nào chị Đ cần thì anh M trả. Việc vay này chỉ nói miệng không có làm biên nhận. Do đó, khi chị Đ cần mua sắm tài sản trong gia đình thì có đến đòi nhiều lần nhưng anh M không thực hiện. Trong các ngày 28/11/2018, 29/11/2018 và ngày 02/12/2018, chị Đ có nhắn tin để đòi tiền anh M và anh M có hứa sẽ trả cho chị Đ. Ngày 27/10/2018 (âm lịch) chị Nguyễn Kim T đưa cho chị Đ 50.000.000 đồng và nói rằng đây là số tiền của anh M nhờ chị T đưa cho chị Đ.

Như vậy, anh M còn nợ lại 70.000.000 đồng. Nay chị Đ yêu cầu anh M có nghĩa vụ trả cho chị Đ vốn vay là 70.000.000 đồng, không yêu cầu lãi.

** Bị đơn anh Huỳnh Hoàng M trình bày*:

Lời trình bày của chị Đ không đúng. Vào khoảng năm 2014, anh M và chị Đ có quan hệ tình cảm, sau đó vợ anh M phát hiện nên vào khoảng giữa năm 2018, anh M không còn tới lui với chị Đ nữa, nên gần cuối năm 2018 chị Đ đến nhà anh M kiếm chuyện và cho rằng anh M thiếu nợ rồi đập phá tài sản gia đình của anh M, việc này đã được Công an huyện L xử lý hành chính đối với chị Đ và bắt chị Đ phải bồi thường cho anh M 13.000.000 đồng. Anh M thừa nhận các tin nhắn mà chị Đ cung cấp cho Tòa án là của anh M nhắn cho chị Đ nhưng có thể những tin nhắn bất lợi cho chị Đ thì chị Đ đã xóa bớt, ngoài ra anh M cũng thừa nhận anh có đưa cho chị T 50.000.000 đồng và 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 24k vàng 9999 để đưa cho chị Đ nhưng 50.000.000 đồng này không phải là trả tiền anh M mượn 120.000.000 đồng mà là tiền chi phí sinh hoạt lúc anh M còn sống chung với chị Đ, còn chiếc nhẫn chị Đ mua cho anh M nên anh M trả lại. Do đó, anh M không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của chị Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lê Kim Đ yêu cầu Huỳnh Hoàng M trả vốn vay là 70.000.000 đồng.

Buộc Huỳnh Hoàng M phải có nghĩa vụ trả cho Lê Kim Đ vốn vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Huỳnh Hoàng M phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Lê Kim Đ là 1.750.000 đồng (Một triệu, bảy trăm năm chục ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí

Tòa án số 0002692, ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 24/5/2019, anh Huỳnh Hoàng M kháng cáo yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Kim Đ về việc yêu cầu anh M trả cho chị Đ số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn chị Lê Kim Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, yêu cầu anh M trả cho chị Đ số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng.

+ Bị đơn anh Huỳnh Hoàng M trình bày: Anh không có vay của chị Đ số tiền 120.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng anh đưa cho chị Đ là tiền sinh hoạt phí khi anh chung sống với chị Đ, còn tin nhắn anh gửi cho chị Đ có nội dung số tiền còn lại bao nhiêu thì gửi sau, số tiền còn lại là 20.000.000 đồng mà chị Đ đòi anh nếu không chung sống nữa thì phải trả 70.000.000 đồng nên số tiền này không phải là tiền vay. Vì vậy, anh không đồng ý trả tiền cho chị Đ theo bản án sơ thẩm đã xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử bác yêu cầu của chị Đ.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh M thừa nhận các tin nhắn là anh M nhắn cho chị Đ, đồng thời anh M thừa nhận anh M không mâu thuẫn gì với chị T. Ngoài ra, anh M không có chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó căn cứ vào các tin nhắn của anh M nhắn cho chị Đ thừa nhận có nợ chị Đ và chị T là người làm chứng khai tại phiên tòa phúc thẩm, anh M có gửi cho chị trả cho chị Đ 50.000.000 đồng, còn số tiền 70.000.000 đồng, anh M nói không có khả năng trả. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh M còn nợ chị Đ 70.000.000 đồng là có thật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh M cho rằng không có vay tiền của chị Đ nên không đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng cho chị Đ là không có căn cứ. Bởi vì, anh M thừa nhận những tin nhắn điện thoại chị Đ cung cấp cho Tòa án là do anh M nhắn cho chị Đ, những tin nhắn này thể hiện rõ nội dung anh M hứa sẽ trả tiền cho chị Đ. Mặc dù, nội dung tin nhắn không thể hiện rõ số tiền còn lại anh M thiếu chị Đ là bao nhiêu. Tuy nhiên, chị Đ đã đưa ra được các chứng cứ là tin nhắn của anh M hứa sẽ trả số tiền còn lại cho chị Đ, ngoài ra còn có người làm chứng là chị Nguyễn Kim T. Tại phiên tòa phúc thẩm chị T khai: “anh M có gửi chị trả cho

chị Đ số tiền là 50.000.000 đồng, 01 nhẫn vàng 05 chỉ, còn số tiền 70.000.000 đồng anh M nói không có khả năng trả". Đối với anh M cho rằng lời khai của chị T không khách quan, vì chị T là bạn của chị Đ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của chị T là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ khác như tờ tường trình do anh M viết tay ngày 03/12/2018 và biên bản lấy lời khai cùng ngày 03/12/2018 do Công an xã T, huyện L lập (bút lục 35, 38, 39), phù hợp với tin nhắn của anh M nhắn cho chị Đ nội dung: số tiền còn lại anh M hứa sẽ lo tiền để trả sau, chứng minh là anh M vẫn còn nợ tiền chị Đ. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, anh M cũng thừa nhận giữa anh M và chị T không có mâu thuẫn gì, anh M tin tưởng chị T, do đó anh M mới đưa số tiền 50.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng 05 chỉ để chị T đưa cho chị Đ. Do đó, có đủ căn cứ để xác định anh M còn nợ chị Đ số tiền 70.000.000 đồng là có thật.

[2] Từ những phân tích trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc anh M phải trả cho chị Đ 70.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án chưa đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp.

[3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm do anh M không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của anh M không được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Hoàng M.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2019/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Kim Đ yêu cầu anh Huỳnh Hoàng M trả số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

2. Buộc anh Huỳnh Hoàng M trả cho chị Lê Kim Đ số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Anh Huỳnh Hoàng M phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Lê Kim Đ là 1.750.000 đồng (Một triệu, bảy trăm năm chục ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002692, ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Huỳnh Hoàng M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0001560 ngày 28/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh M không phải nộp thêm án phí phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- Tòa án nhân dân H. L;
- Chi Cục THA DS H. L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh